

CÔNG THỨC:

Bambuterol hydroclorid 10 mg

Tá dược vừa đủ 1 viên

(Lactose, tinh bột mì, màu green lake, PVP K30, avicel M101, magnesi stearat).

DẠNG BÀO CHẾ: Viên nén.

QUY CÁCH ĐÓNG GÓI: Hộp 3 vỉ x 10 viên.

DƯỢC LỰC HỌC: Bambuterol là tiền chất của terbutalin, chất chủ vận giao cảm trên thụ thể beta, kích thích chọn lọc trên beta-2, do đó làm giãn cơ trơn phế quản, ức chế phóng thích các chất gây co thắt nội sinh, ức chế các phản ứng phù nề gây ra bởi các chất trung gian hóa học nội sinh và làm tăng sự thanh thải của hệ thống lông chuyển nhầy.

DƯỢC ĐỘNG HỌC: Khoảng 20% liều bambuterol được hấp thu từ đường tiêu hóa sau khi uống. Sau khi được hấp thu, bambuterol được chuyển hóa chậm bằng phản ứng thủy phân và oxy hóa thành terbutalin có hoạt tính. Nồng độ tối đa trong huyết tương của terbutalin đạt được sau khi uống 2 - 6 giờ. Thời gian tác dụng kéo dài ít nhất 24 giờ. Thời gian bán hủy của bambuterol sau khi uống khoảng 13 giờ, thời gian bán hủy của terbutalin khoảng 21 giờ. Bambuterol và các chất chuyển hóa được bài tiết chủ yếu qua thận.

CHỈ ĐỊNH: Hen phế quản, Viêm phế quản mạn tính, khí phế thũng và các bệnh lý phổi khác có kèm co thắt.

CHỐNG CHỈ ĐỊNH: Mẫn cảm với một trong các thành phần của thuốc.

THẬN TRỌNG: Bệnh nhân tổn thương chức năng thận (độ thanh thải creatinin ≤ 50 ml/ phút) nên giảm nửa liều khi sử dụng.

Bệnh nhân xơ gan và những bệnh nhân có tổn thương chức năng gan nặng do nguyên nhân khác nên điều chỉnh liều thích hợp cho từng đối tượng.

Thận trọng khi sử dụng ở những bệnh nhân nhiễm độc giáp và bệnh lý tim mạch nặng như bệnh tim do thiếu máu cục bộ, nhịp tim nhanh và suy tim nặng.

Bệnh nhân đái tháo đường nên kiểm soát đường huyết tốt hơn khi bắt đầu điều trị.

Giảm kali huyết có thể xảy ra khi điều trị với chất chủ vận beta-2, cần theo dõi nồng độ kali huyết thanh trong các trường hợp cơn hen nặng cấp tính và khi điều trị phối hợp (xem phần Tương tác thuốc)

PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ:

Cần thận trọng khi dùng các dạng bambuterol đối với phụ nữ có thai và cho con bú. Khi dùng, cần thận trọng cân nhắc lợi hại.

LÁI XE VÀ VẬN HÀNH MÁY MÓC: Thuốc không ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy.

TƯƠNG TÁC THUỐC: Bambuterol kéo dài tác động giãn cơ của suxamethonium (succinylcholin).

Các thuốc ức chế thụ thể beta có thể ức chế một phần hay hoàn toàn tác dụng của chất kích thích thụ thể beta.

Giảm kali huyết có thể xảy ra khi điều trị với chất chủ vận beta-2 và nặng thêm khi điều trị phối hợp với các dẫn xuất của xanthin, steroid và thuốc lợi tiểu.

TÁC DỤNG KHÔNG MONG MUỐN: Các tác dụng ngoại ý được ghi nhận như run cơ, nhức đầu, buồn nôn, vọp bẻ, nhịp tim nhanh và đánh trống ngực. Các tác dụng ngoại ý này sẽ mất dần trong 1 - 2 tuần điều trị.

Giống như các chất chủ vận beta-2 khác, loạn nhịp tim, rung nhĩ, nhịp nhanh trên thất và ngoại tâm thu hiếm khi được ghi nhận.

Rối loạn giấc ngủ, lo âu, quá hiếu động, bồn chồn, mày đay và ngoại ban có thể xảy ra.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.

QUÁ LIỀU VÀ CÁCH XỬ TRÍ:

Các triệu chứng thường gặp khi sử dụng quá liều: Nhức đầu, lo lắng, run cơ, buồn nôn, vọp bẻ, đánh trống ngực, nhịp tim nhanh và loạn nhịp tim. Hạ huyết áp đôi khi xảy ra khi dùng quá liều. Liều cao chất chủ vận beta-2 có thể gây giảm kali huyết.

Cách xử trí: Thường không cần điều trị. Trường hợp quá liều nặng, cần tiến hành các phương pháp sau: Rửa dạ dày, than hoạt tính. Theo dõi tần số, nhịp tim, huyết áp, đường huyết, điện giải, cân bằng kiểm toan. Chất giải độc thích hợp là chất ức chế thụ thể beta-2 chọn lọc, nhưng cần sử dụng thận trọng ở những bệnh nhân có tiền sử co thắt phế quản. Nếu sự giảm huyết áp do giảm sức cản ngoại biên qua trung gian beta-2, cần phải bồi hoàn thể tích huyết tương.

LIỀU DÙNG VÀ CÁCH DÙNG: Liều chỉ định 1 lần/ ngày, dùng ngay trước khi đi ngủ.

Người lớn và trẻ em trên 6 tuổi: Liều khởi đầu 10 mg. Có thể tăng lên 20 mg sau 1 - 2 tuần tùy theo hiệu quả lâm sàng.

Trẻ em từ 2 - 5 tuổi: Liều thông thường khuyến dùng là 5 mg.

Bệnh nhân suy giảm chức năng thận (độ thanh thải creatinin ≤ 50 ml/ phút): Liều khởi đầu 5 mg. Có thể tăng lên 10 mg sau 1 - 2 tuần tùy theo hiệu quả lâm sàng.

Hoặc theo chỉ dẫn của Thầy thuốc

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.

Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ.

Thuốc này chỉ dùng theo đơn của bác sĩ.

Hạn dùng: 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

Điều kiện bảo quản: Nơi khô, nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.

Tiêu chuẩn: TCCS.

Sản xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HẬU GIANG - Chi nhánh nhà máy dược phẩm DHG tại Hậu Giang

Lô B2 - B3, Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh - giai đoạn 1, xã Tân Phú Thạnh, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang

ĐT: (0293) 3953454 • Fax: (0293) 3953555

Mọi thắc mắc về sản phẩm,
xin vui lòng liên hệ
0292.3899000

E-mail: dhgpharma@dhgpharma.com.vn
www.dhgpharma.com.vn